

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-9-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thế Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bò Quốc Khánh.
2. Ông Đoàn Văn Lược.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, Huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Ngô Kiều H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H và ông Ngô Kiều H1 tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là thị trấn T, huyện B), tỉnh Bình Dương.

Sau khi cưới, bà H và ông H1 sinh sống tại khu phố 3, thị trấn Tân T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, bà H và ông H1 chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2020 cho đến nay, giữa bà H và ông H1 không còn sống chung với nhau và giữa hai người cũng không có biện pháp để hàn gắn lại tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H1.

Về con chung: Quá trình sống chung, giữa bà Lê Thị Thu H và ông Ngô Kiều H1 có 01 con chung tên Ngô Lê Minh H2, sinh ngày 15/4/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Ngô Kiều H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Tòa án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Lê Thị Thu H có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Ngô Kiều H1. Ông Ngô Kiều H1 đang cư trú tại khu phố 3, thị trấn T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Ngô Kiều H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H và ông Ngô Kiều H1 tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn số 61/2013, ngày 11/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (Nay là thị trấn T, huyện B), tỉnh Bình Dương. Xét thấy, giữa bà H và ông H1 xác lập quan hệ vợ chồng đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Lê Thị Thu H cho rằng quá trình chung sống đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa hai người không có biện pháp để Hn gắn tình cảm. Từ đầu năm 2020 đến nay, giữa bà H và ông H1 không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Điều đó cho thấy ông H1 cũng không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà H. Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2020 thể hiện quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người không còn sống chung, ông H1 ít

quan tâm đến gia đình và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, sự quan tâm, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Giữa bà H và ông H1 không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1 là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, giữa bà Lê Thị Thu H và ông Ngô Kiều H1 có 01 con chung tên Ngô Lê Minh H2, sinh ngày 15/4/2014. Bà Lê Thị Thu H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông Ngô Kiều H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H2 đang còn nhỏ và sống chung với bà H, xét yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức của xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H đối với ông Ngô Kiều H1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Ngô Kiều H1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Lê Minh H2, sinh ngày 15/4/2014 cho bà Lê Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông Ngô Kiều H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Thu H và ông Ngô Kiều H1 đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031057 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS Huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thế Chính**

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Văn Lược**

**Đỗ Ngọc Lợi**

**Hồ Thế Chính**